VĂN HỌC

Lí luận văn học Việt Nam trong bối cảnh toàn cầu hóa - triển vọng và thách thức

■ TRẦN ĐÌNH SỬ

Lí luận văn học Việt Nam hiện đại, tính từ Đại hội VI của Đảng (1986) với phong trào Đổi mới, đã phát triển vượt bậc. Có thể nói, từ ngày lập nước năm 1945 đến nay, đây là giai đoạn lí luận văn học phát triển sôi động nhất, phong phú nhất, đa dạng nhất.

Thật vậy, giai đoạn từ đầu thế kỉ XX đến năm 1945 là giai đoạn trỗi dậy của ý thức văn học quốc gia dân tộc, bứt khỏi tính hạn chế khu vực, vươn tầm nhìn rộng ra thế giới[1], chúng ta đã tiếp nhận lí luận Pháp nói riêng và phương Tây nói chung, hình thành nền lí luận, phê bình văn học hiện đại. Giai đoạn từ 1945 đến cuối những năm 80 là giai đoạn chuyển hướng xây dựng nền lí luận văn học cách mạng xã hội chủ nghĩa. Đây là lúc lí luận văn học trong bối cảnh ý thức hệ vô sản độc tôn, tuy có tính cách mạng, nhưng lại trở thành hệ lí luận khép kín, cách li với mọi thành tựu lí luận văn học thế giới thế kỉ XX. Lí luận văn học trong các đô thị miền Nam được coi là sản phẩm của chế độ thực dân mới, có tính chất tiêu cực. Chỉ có thời Đổi mới, "cởi trói", khi các quan điểm lí luận xơ cứng, giáo điều được khắc phục, lí luận văn học mới có điều kiện, cơ hội phát triển. Đây cũng là giai đoạn lí luận văn học Việt Nam cởi mở tiếp thu có chọn lọc lí luận văn học nước ngoài trong bối cảnh toàn cầu hóa, hội nhập quốc tế để tạo dựng cho mình diện mạo mới mẻ. Tất nhiên, trong điều kiện của một nước đang phát triển vừa ra khỏi chiến tranh chưa lâu, lực lượng nghiên cứu mỏng, nguồn lực

rất hạn chế, việc tiếp nhận cũng như xây dựng nền lí luận văn học gặp nhiều khó khăn và khó tránh những khiếm khuyết.

Những thành tựu của lí luận phê bình văn học Việt Nam sau 1986 đã được đề cập trong nhiều công trình(2). Nhưng sẽ là thiếu nếu không nhắc lại đôi điều cơ bản ở đây. Nói một cách khái quát, theo tôi, lí luận văn học Việt Nam khoảng ba mươi năm qua có những thành tựu như sau. 1/ Chúng ta đã nhận thức và khắc phục được một số quan niệm giáo điều, xơ cứng trong lí luận marxist truyền thống, như tính giai cấp, tính đảng, quan hệ văn học và chính trị, ý thức hệ, nội dung và hình thức, văn học và hiện thực, phương pháp sáng tác... 2/ Do xóa bỏ quan niệm đối lập giản đơn giữa lí luận marxist và lí luận tư sản phương Tây, chúng ta đã tiếp cận và tiếp nhận được nhiều lí thuyết văn học mà trước đây được/bị coi là tư sản, phi marxist, làm cho không gian lí luận rộng thoáng hẳn. 3/ Trong phê bình văn học đã xuất hiện những công trình sử dụng những cách tiếp cận mới như thi pháp học, phong cách học, phân tâm học, kí hiệu học, cấu trúc luận, tự sự học, tân lịch sử, hậu thực dân, nữ quyền luận, xã hội học, văn học thiểu số...; xuất hiện những thuật ngữ mới như diễn ngôn, trường/khung tri thức, tâm - biên, đại tự sự, hậu hiện đại, giải cấu trúc... Nhìn một cách tổng quát, hiện tại chúng ta tuy vẫn còn những băn khoăn, dè dặt, chưa thông suốt, nhưng đã không còn bị cấm đoán trước bất cứ lí thuyết nào của phương Tây và thế giới, nhờ thế lí luận văn học của chúng ta hiện nay giàu có hơn trước nhiều.

Với những thành tựu đó, trình độ lí luận văn học của nước ta đã được cải thiện đáng kể. Chúng ta đã vượt qua thời ấu trĩ, hẹp hòi, nhãn quan đã trở nên rộng mở, từ đó, không chỉ có khả năng nhìn nhận văn học Việt Nam bằng con mắt mới, mà còn có khả năng tiếp nhận các giá trị văn học thế giới đa trường phái, đảm bảo một sự giao lưu văn học bình thường, rộng mở. Chúng ta đã nhìn nhận, đánh giá lại một cách thỏa đáng giá trị của tiểu thuyết Tự lực văn đoàn, của Thơ mới, của sáng tác Vũ Trọng Phụng, Vũ Bằng, Lan Khai, tặng Giải thưởng Nhà nước cho một số nhà thơ "Nhân văn - Giai phẩm", tặng Giải thưởng Hồ Chí Minh cho nhà triết học và nhạc sĩ có liên can phong trào này, đánh giá lại mức độ giá trị của văn học cách mạng trong ba mươi năm... Có thể nói, chúng ta đã vượt lên chính mình để tự nhìn nhận nhiều vấn đề hệ trọng của văn học, nghệ thuật thế kỉ XX.

Sở dĩ đạt được những thành tựu như thế, trước hết là do chúng ta ở vào thời kì sau "chiến tranh lạnh", không còn tình huống đối lập nhị nguyên giữa hai thế giới như trước những năm 80 – 90, mà thay vào đó là quá trình toàn cầu hóa từ kinh tế, chính trị, văn hóa cho đến sinh hoạt đời thường ngày càng mạnh mẽ. Nhờ thế chúng ta tiếp tục quá trình thế giới hóa đã khởi đầu từ đầu thế kỉ XX(3). Sự tiếp nhận như trên là hoàn toàn tự nhiên, phù hợp quy luật.

Tuy nhiên, thiết nghĩ không nên quá lạc quan về thực trạng của lí luận văn học hiện tại của chúng ta. 1/ Xét về độ phổ cập, các thành tựu nêu trên hiện vẫn còn giới hạn trong một tầng lớp nhỏ, ở các nhà nghiên cứu đang công tác tại các trường đại học, viện nghiên cứu, còn phần đông cán bộ quản lí, cán bộ các cơ quan văn hóa, văn nghệ, nhà văn, nhà phê bình, phóng viên báo chí... vẫn theo các quan điểm gần như cũ. Câu chuyện ầm ĩ liên quan đến truyện ngắn *Cánh đồng bất tận* của Nguyễn Ngọc Tư năm nào và một

số hiện tượng khác đã cho thấy điều đó. 2/ Xét về chiều sâu thì nhìn chung, các lí thuyết được giới thiệu chưa đạt tới độ sâu cần thiết. Công việc dịch thuật còn quá yếu, số tác phẩm được dịch hoàn toàn không tương xứng với dung lượng của học thuyết khoa học và sự phát triển của nó trên thế giới, đã thế lại không đồng bộ, thiếu hệ thống. 3/ Phần lớn lí thuyết của phương Tây chủ yếu được giới thiệu, lược thuật, trình bày lại dưới dạng tổng thuật, mà phần nhiều là tổng thuật gián tiếp qua những ngôn ngữ khác, có thể biết chung chung, nhưng rất khó nắm được để đi vào tư duy. 4/ Chất lượng dịch là cả một vấn đề, bởi dịch khoa học có nghĩa là dịch các thuật ngữ, làm giàu hệ thống thuật ngữ khoa học cho tiếng Việt. Về mặt này, bên cạnh những thành công vẫn còn đó nhiều thuật ngữ quan trọng ai dịch nấy biết, chưa có sự đồng thuận giữa các nhà khoa học. Có bản dịch đọc không ai hiểu, có bản dịch sai đến mức tai họa. 5/ Xét về sinh hoạt học thuật, thời đầu Đổi mới còn có những cuộc tranh luận về một số vấn đề lí thuyết quan trọng, nhưng càng về sau thì không khí đối thoại càng vắng dần. Đụng chạm các vấn đề "nhạy cảm" thì chỉ có tiếng nói từ một phía. Trong phê bình cũng vậy, các ý kiến trái chiều hầu như lại xuất hiện trên hai không gian khác nhau: báo giấy và báo mạng. Trạng thái hoạt động như thế hạn chế rất nhiều đối với nhận thức và hiểu biết của xã hội. Nhiều cuộc hội thảo có đề tài quá rộng ai muốn nói sao cũng được, ít có cơ hội cọ xát, tranh luận theo vấn đề. Điều chủ yếu là không có vấn đề mới, hoặc vấn đề mới không được chấp nhận đem ra bàn luận. Không khí học thuật vì thế tẻ nhạt. Nếu chúng ta cứ tiếp tục nhịp độ nghiên cứu lí luận theo kiểu độc thoại như vậy thì chắc chắn lí luận văn học nước nhà sẽ ngày càng tụt hậu.

Trên thế giới, từ những năm 80 thế kỉ XX đến nay chính là thời đại của trào lưu lí thuyết hậu hiện đại, là thời của hậu cấu trúc, hoài nghi đại tự sự, phi trung tâm hóa, phản bản chất chủ nghĩa, làm thay đổi hầu như toàn bộ lí luận văn học truyền thống, nhưng đồng thời cũng là thời đại tái kiến tạo lí luận văn học. Đặt trong bối cảnh ấy, nhìn chung có thể nói lí luận văn học của chúng ta chưa bắt kịp được nhịp của sự thay đổi của lí luận văn học thế giới. Lí luận của chúng ta vẫn nằm trong bầu không khí siêu bình ổn, "lấy bất biến ứng vạn biến", hầu như chưa thực sự hội nhập. Điều đó là rất đáng tiếc. Lấy ví dụ vấn đề đặc trưng văn học, theo quan niệm bản chất chủ nghĩa, chúng ta xác định đặc trưng văn học một cách cứng nhắc, đối lập tuyệt đối văn học đích thực với văn học không đích thực, nhưng nay lí thuyết giải cấu trúc cho thấy, văn học không có đặc trưng bất biến, giữa văn học và phi văn học không có ranh giới thật rõ rệt và ranh giới đó đổi thay theo lịch sử(4). Khái niệm văn học chỉ là một quy ước. Theo dòng lịch sử ta có nhiều loại văn học: văn học tao nhã, văn học thông tục, văn học giải trí, văn học tôn giáo, văn học tuyên truyền, văn học chính trị, văn học lịch sử, văn học tư liệu, văn học đại chúng... Chúng đều là văn học, và cần nghiên cứu đặc trưng của chúng. Giải trung tâm dẫn đến phát triển các lí luận văn học ngoại biên, tức là các lí luận gắn với các hiện tượng văn học văn hóa nhất định, chẳng hạn lí thuyết hậu thực dân, lí thuyết nữ quyền, lí thuyết tân lịch sử... Hay quan niệm bản chất chủ nghĩa xem sáng tác là sản phẩm của nhà văn, lấy nhà văn làm trung tâm, xem tác phẩm thuần túy là sáng tạo của một tác giả. Nay lí thuyết liên văn bản và tiếp nhận đã cho thấy quan niệm ấy

đòi hỏi phải có cách hiểu khác. Hay quan niệm bản chất chủ nghĩa coi bản sắc văn hóa, văn học dân tộc là một cái gì thuần khiết mà mọi người phải giữ gìn, chống lại mọi lai căng, mất gốc. Nhưng nay với lí thuyết lai ghép, tạp chủng, người ta lại thấy không có bản sắc thuần chủng mà chỉ có bản sắc lai ghép vốn hình thành từ xưa, mà sự lai ghép ấy cũng luôn đổi thay theo dòng lịch sử. Lại ví dụ, trước chúng ta vẫn nói văn học phản ánh hiện thực theo quan niệm phản ánh luận của Lenin, nay nhiều lí thuyết lại cho thấy văn học chỉ là diễn ngôn, mà diễn ngôn kiến tạo ra hiện thực theo tri thức và quyền lực của chủ thể diễn ngôn. Theo lí thuyết diễn ngôn, con người sống trong hiện thực mà nhìn nhận sự việc thì thông qua diễn ngôn, bởi diễn ngôn gắn chặt với ý thức hệ. Các quan điểm đó có chỗ thống nhất với lí thuyết marxist, nhưng nhiều chỗ đã khác biệt hẳn. Tính chất siêu bình ổn nói trên được phản ánh trong các bộ lí luận văn học giảng dạy trong các trường phổ thông và đại học ở ta.

Vậy thái độ của chúng ta sẽ như thế nào? Tiếp nhận để đổi thay hay cứ để mặc như cũ? Quan sát chung chúng tôi nhận thấy có mấy thái độ sau. Một là giới thiệu để biết, nhờ đó mà có một số sách được xuất bản. Hai là phê phán các lí thuyết phương Tây như hình thức chủ nghĩa, giải cấu trúc, cho rằng chúng đã cũ rồi, người phương Tây như Tz. Todorov trong *Văn chương lâm nguy* đã phê phán, ta không nên tiếp thu cái người ta đã vứt bỏ. Ba là cho rằng không chấp nhận được, vì cảm thấy lo ngại một số lí luận không phù hợp thậm chí trái với chủ nghĩa Marx hoặc không phù hợp với thực tế Việt Nam, ví dụ như lí thuyết hiện tượng luận, lí thuyết hậu thực dân, hay lí thuyết ngoại biên. Chính vì thế mà ít thấy các công trình đi sâu hơn, nhiều mặt hơn được công bố.

Chúng tôi cho rằng, giới thiệu để biết tuy cũng tốt nhưng để trang trí thì không mấy ý nghĩa. Các lí thuyết đã xuất hiện thành trào lưu đều là thành quả trí tuệ của nhân loại, đáp ứng nhu cầu thực tế của khoa học, khắc phục một khiếm khuyết nào đó về nhận thức khoa học trong một giai đoạn nhất định. Bản thân lí thuyết luôn luôn vượt lên chính mình. Nếu bỏ qua chúng thì ta không tiếp cận được logic phát triển của lí thuyết và không tham gia được vào tiến trình sáng tạo lí luận của thời đại. Thêm nữa, lí luận là diễn ngôn, là ngôn ngữ, nếu không tiếp nhận thì sẽ dẫn đến hậu quả là mất tiếng nói, mất khả năng giao tiếp với thế giới. Người ta nói gì mình không hiểu và mình nói người ta không hiểu. Vì vậy chúng ta cần tiếp nhận tất cả, biết phân tích, đối thoại, chọn lấy chỗ hợp lí để đổi mới lí thuyết, làm giàu cho mình.

Thái độ thứ ba nói trên cần được suy nghĩ thấu đáo, nghiêm túc. Vấn đề đặt ra là chúng ta muốn xây dựng một nền lí luận văn học Việt Nam tiên tiến, hiện đại, gắn với thực tiễn nước nhà thì không thể chỉ bằng lòng với trình độ lí luận đã tỏ ra hạn hẹp, lỗi thời, mà phải tiếp nhận những ý tưởng hiện đại, đồng thời còn phải sáng tạo những lí thuyết độc sáng của người Việt. Chúng ta cũng biết rằng trong thời hiện tại, lí luận phương Tây cũng đang rơi vào khủng hoảng, những tiếng kêu văn học đã chết, lí luận văn học đã chết, rồi lí luận cũng đang chết đã phản ánh điều đó. Lí luận Âu – Mĩ đang bước vào thời kì "hậu lí luận"(5), tức là thời kì hoàng kim mà các sáng tạo lí thuyết sôi động, có tính bùng nổ đã qua, và sau nhiều cuộc giải cấu trúc, đã tạo ra hệ quả khủng hoảng, và người ta đang phản tư, đang tự hỏi lí luận hiện tại đang còn gì, nó sẽ chuyển sang một hình thái như thế

nào, lối thoát ở đâu... Lí thuyết hậu hiện đại không giải quyết được các vấn đề đó. Trong bối cảnh "lí luận tan nát", "phân mảnh"(6) đó chúng ta tất nhiên cũng không thể một chiều bê nguyên xi tất cả những gì đang ngổn ngang trong lí luận của họ, đồng thời cũng có cơ hội đi tìm lời giải đáp cho mình trên các vấn đề chung của nhân loại. Vấn đề là cần tiến hành đối thoại để tìm ra các giá trị có thể làm phong phú thêm cho lí thuyết nước nhà. Khó khăn hiện tại của chúng ta trong tiến trình toàn cầu hóa là sự đối lập nhị nguyên giữa chủ nghĩa Marx và lí thuyết phương Tây, sự đối lập giữa chủ nghĩa duy vật và chủ nghĩa duy tâm tồn tại quá lâu chưa được hóa giải(7). Ở đây có vấn đề là chúng ta chưa nghiên cứu sâu hơn về triết học marxist, chưa đi xa hơn di sản marxist từ thời Liên Xô cũ để lại(8). Theo quan điểm của nhiều người, chủ nghĩa Marx là sản phẩm của thời hiện đại, mang tính hiện đại, do đó nó có nhiều mối liên hệ sâu sắc với các triết học hiện đại khác, chẳng hạn việc Marx chống lại tư duy siêu hình là cùng một nỗ lực với triết học hiện đại phương Tây, mặc dù con đường khác nhau. Chúng ta chưa nghiên cứu kĩ phương diện bản thể luận của triết học Marx, theo đó thực tiễn là phương thức tồn tại của con người, và trên bình diện này sẽ có chỗ gặp gỡ giữa triết học Marx và bản thể luận, tồn tại luận của Heidegger. Bởi trong hoạt động thực tiễn không có thế đối lập duy vật và duy tâm tuyệt đối như lâu nay chúng ta vẫn hiểu. Ở đó tâm và vật thống nhất với nhau trong thế giới do con người tạo ra. Hay như vấn đề hình thức, Jonathan Culler trong sách *Văn học trong lí luận*(9) cho rằng trong nghiên cứu văn hóa, văn học, tính văn học có thể bị bỏ quên, và ông đang tìm lại các di sản của chủ nghĩa hình thức, chủ nghĩa cấu trúc, dùng chúng để thúc đẩy lí luận văn học. Như vậy, nếu có lúc Tz. Todorov quay lưng với hình thức, trở về với tiền hiện đại, thì có người quay lại với nó. Nhà marxist người Anh là Terry Eagleton trong sách *Đọc thơ như thế nào*(10) đã chủ trương thông qua phân tích hình thức để phát hiện tư tưởng chính trị. Như vậy, trở về với hình thức không phải là trở về với hình thức theo quan niệm cũ, mà là hình thức mang nội dung, hình thức mang tính quan niệm. Đây có lẽ là điều do Todorov chịu ảnh hưởng quá sâu của chủ nghĩa hình thức Nga, chưa vượt qua được. Chỗ này chưa chắc Todorov đã đáng khen.

Một lo ngại khác là sự khác biệt, đối lập giữa Đông và Tây khiến cho không ít người hoài nghi hiệu quả của việc tiếp nhận lí thuyết phương Tây. Nhưng xét kĩ, có nhiều chứng cớ cho thấy sự gặp gỡ Đông - Tây trong thời hiện đại là rất đáng chú ý. Mọi người đều biết, quan niệm "ngôn bất tận ý", "ngôn bất đạt ý", "ý tại ngôn ngoại" trong lí luận văn học cổ Trung Hoa dẫn đến tính mơ hồ đa nghĩa trong các khái niệm(11). Điều này đối lập với quan niệm ngôn ngữ trong sáng, rõ ràng trong văn học phương Tây từ thời Khai sáng. Nhưng trong quan niệm ngôn ngữ của R. Barthes, J. Derrida về giải cấu trúc, một phía khác cũng giúp chúng ta nhìn thấy sự kết thúc của quan niệm về sự sáng rõ, trong suốt của ý nghĩa, và nhìn thấy cơ chế của quan niệm "ý tại ngôn ngoại" của lí thuyết phương Tây hiện đại. Phải chăng các lí thuyết ấy góp phần cho ta thấy cái cơ chế ý ngoài lời của tư tưởng phương Đông cổ đại? Nêu một số ví dụ như thế để thấy khả năng dung hợp Đông - Tây, marxist và lí thuyết phương Tây hiện đại, chứ không phải chỉ một mực đối lập loại trừ như trước.

Con đường đổi mới, hiện đại hóa

lí luận và sáng tạo mới lí luận văn học Việt Nam đang mở ra nhiều cơ hội và cũng gặp nhiều thách thức. Chỉ cần chúng ta khắc phục mặc cảm, định kiến, kế thừa tinh hoa cổ nhân, mạnh dạn đổi mới hệ hình phương pháp luận, đối thoại, giải cấu trúc cái cũ, kiến tạo cái mới trên nền tảng thực tiễn văn học Việt Nam và thế giới thì sẽ có ngày tiến kịp trình độ lí thuyết của thế giới, đáp ứng yêu cầu hiện đại hóa của văn học Việt Nam ■

Hà Nội, ngày 10/4/2014

T.Đ.S

---

(1) Một nhân vật văn học của Nam Cao đã ước mơ viết văn để đạt giải Nobel văn học.

(2) Trần Đình Sử, *Lí luận phê bình văn học Việt Nam thế kỉ XX*, trong sách *Văn học Việt Nam thế kỉ XX - những vấn đề lịch sử và lí thuyết*, Phan Cự Đệ chủ biên, Nxb Giáo dục, Hà Nội, 2004; Đỗ Lai Thúy, *Lí luận phê bình văn học thế kỉ XX, nhìn nghiêng về phương pháp*, trong sách *Nghiên cứu văn học hiện đại - cơ hội và thách thức*, Nxb Thế giới, Hà Nội, 2010; *Lịch sử lí luận phê bình văn học Việt Nam*, Trịnh Bá Đĩnh chủ biên, Nxb Khoa học xã hội, 2013; *Phê bình văn học Việt Nam 1975 – 2005*, Nguyễn Văn Long chủ biên, Nxb ĐHSP, Hà Nội, 2012...

(3) Tác phẩm văn học Việt Nam đã được dịch ra tiếng Pháp như *Truyện Lục Vân Tiên, Truyện Kiều*; tác phẩm viết bằng tiếng Pháp của người Việt đã được trích dẫn ở nước ngoài, ví dụ, Johan Huizinga trong cuốn *Homo Luden* đã trích dẫn nhà dân tộc học Nguyễn Văn Huyên.

(4) Xem *Khái niệm văn học* của Tz. Todorov, *Bản mệnh của lí thuyết* của A. Compagnon, *Dẫn luận rất ngắn về lí luận văn học* của J. Culler, *Lí luận văn học* của T. Eagleton.

(5) Giới lí luận văn học Âu - Mĩ cho rằng, thời kì từ đầu thế kỉ XX đến những năm 60 – 70 là thời kì phát triển "lí luận văn học". Từ những năm 70 - 90 là thời kì chuyển sang phát triển "lí luận". Công trình của Foucault, Derrida, Barthes, Kristeva, Saide, F. Lyotard... tuy không phải là lí luận văn học, nhưng tác động lớn đến lí luận văn học. Đến đầu thế kỉ XXI, khi các nhà "lí luận" đã chết, bắt đầu thời "hậu lí luận". Xem Vương Nin, *Văn học và lí luận văn học trong thời đại "hậu lí luận"*, Đại học Bắc Kinh, 2009.

(6) Ronicle of Higher Education, bản dịch Trung văn của Ngô Vạn Vĩ.

(7) Sự đối lập duy tâm và duy vật trên vấn đề cơ bản của triết học như F. Engels đã nói, chủ yếu là ở trên bình diện cái nào thuộc tính thứ nhất và nhận thức luận, nhưng đã bị tuyệt đối hóa theo bản chất chủ nghĩa, nên trở thành cứng nhắc. Trên thực tế đó là đối lập về mặt diễn ngôn. F. Engels nói: "Phép biện chứng không biết đến một giới hạn nào là tuyệt đối rõ ràng và cố định bất biến, không biết đến cái gì hữu hiệu phổ biến một cách vô điều kiện, "không phải cái này thì là cái kia", nó khiến cho những sự khác biệt siêu hình cố định trở thành sự quá độ, ngoài không phải cái này thì cái kia, trong điều kiện thích đáng còn là vừa cái này vừa cái kia, khiến cho cái đối lập trở thành trung giới của nhau". Ở đây F. Engels không chỉ chống siêu hình mà còn chống bản chất chủ nghĩa.

(8) Sở dĩ thế là vì một mặt lực lượng nhỏ yếu chưa kham được; mặt khác lí thuyết marxist ở ta được coi là lí thuyết quan phương, người thường không ai dám tự tiện nghiên cứu, nếu có nghiên cứu thì cũng không được phê phán, vì thế mà học thuyết rơi vào tình trạng có địa vị rất cao mà không được cứu xét. Thiết nghĩ muốn cho một học thuyết đi được vào đời sống thì nên tạo điều kiện để nó được tự do nghiên cứu, trao đổi, đối thoại, có thế tình hình mới được cải thiện. Ở Trung Quốc người ta xem phản bản chất chủ nghĩa là công cụ để giải phóng tư tưởng, nhìn lại chủ nghĩa giáo điều như là sản phẩm của chủ nghĩa bản chất.

(9) Jonathan Culler, *The Literary in Theory*, Stanford: Stanford University Press, 2007. Dẫn theo Trần Đại Thắng trong bài *Triển vọng của chủ nghĩa hình thức mới*, trên Tạp chí *Nghiên cứu văn nghệ*, số 5 – 2013, tiếng Trung.

(10) Terry Eagleton, *How to Read Poem*, London: Blackwell Publishing, 2007. Dẫn theo Trần Đại Thắng, Sđd.

(11) Trong Trang Tử, thiên Thiên đạo có kể chuyện một người thợ đóng xe tên Biển, thấy Tề Hoàn Công đọc sách liền tiến lên hỏi: Thưa ngài đọc gì? Trả lời: Đọc lời của thánh hiền. Biển hỏi: Thánh hiền có còn sống không? Trả lời: Chết rồi. Biển nói: Vậy ngài chỉ đọc được cái cặn bã của người chết mà thôi. Tề Hoàn Công nói: Nếu ngươi nói không có lí sẽ bị chém đầu. Biển nói: Như tôi đóng xe đây, tay tôi đưa đến đâu lòng nghĩ đến đấy, điều ấy chỉ tôi cảm thấy chứ không truyền bằng lời cho con được. Quan niệm này hô ứng với quan niệm của Lão Tử trong *Đạo đức kinh:* "Đạo khả đạo, phi thường đạo; danh khả danh, phi thường danh"...